

Số: /KH-BQL

Thái Nguyên, ngày tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị năm 2026 trên địa bàn các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện Kế hoạch số 209/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 209/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp (KCN) đảm bảo đồng bộ, thống nhất, theo hướng 5 rõ “Rõ việc, rõ người, rõ trách nhiệm, rõ kết quả, rõ thời gian”.

- Nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, trách nhiệm của các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Ban trong việc thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các KCN.

- Gắn nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chất lượng phục vụ doanh nghiệp và thu hút các dự án công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ xanh vào các KCN.

2. Yêu cầu

- Triển khai nghiêm túc, đồng bộ, bám sát nội dung Kế hoạch của UBND tỉnh; bảo đảm đúng chức năng, thẩm quyền của Ban, không chồng chéo nhiệm vụ.

- Phân công rõ đơn vị chủ trì, phối hợp; xác định rõ tiến độ, sản phẩm đầu ra và trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện; đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng và xử lý trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng chậm trễ.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá tiến độ và hiệu quả triển khai của các đơn vị để kịp thời xem xét chỉ đạo, giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đảm bảo hiệu quả triển khai theo tiến độ yêu cầu.

II. MỤC TIÊU

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Ban hành và tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2026 trong toàn Ban; đưa các chỉ tiêu, nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào chương trình công tác năm của từng phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Ban. Người đứng đầu các phòng, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp về tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện; kết quả triển khai là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm.

1.2. Tổ chức tuyên truyền, quán triệt sâu rộng các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW và các chương trình, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Ban và các doanh nghiệp trong khu công nghiệp thông qua hội nghị chuyên đề, sinh hoạt chi bộ, bản tin điện tử, trang thông tin điện tử của Ban và các hình thức phù hợp khác; góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong hành động và thúc đẩy phong trào thi đua ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các KCN.

1.3. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh trong quá trình triển khai các nhiệm vụ liên quan đến KCN; chủ động đề xuất, kiến nghị các nội dung thuộc phạm vi quản lý của Ban theo nguyên tắc “rõ việc - rõ đầu mối - rõ thời hạn - rõ sản phẩm”.

1.4. Căn cứ chức năng quản lý nhà nước đối với KCN, lựa chọn và triển khai các mô hình phát triển phù hợp, tập trung vào: (i) Thúc đẩy thu hút các dự án công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ bán dẫn, trung tâm đổi mới sáng tạo vào KCN; (ii) Hỗ trợ doanh nghiệp trong KCN ứng dụng công nghệ số, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo (AI), sản xuất thông minh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh. Khuyến khích nguyên tắc “AI First” trong hoạt động quản lý, điều hành nội bộ và trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

1.5. Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính trong phạm vi quản lý của Ban; tiếp tục rà soát, đơn giản hóa quy trình nội bộ, số hóa hồ sơ,

nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến; tăng cường ứng dụng các nền tảng, hệ thống số trong quản lý đầu tư, quản lý doanh nghiệp và cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong khu công nghiệp.

2. Rà soát cơ chế, chính sách

2.1. Chủ động rà soát các quy định, quy trình thuộc phạm vi quản lý của Ban liên quan đến đầu tư, quy hoạch xây dựng, môi trường, quản lý doanh nghiệp trong KCN; kịp thời đề xuất UBND tỉnh, các sở, ngành có liên quan sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp trong KCN đầu tư đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ số, phát triển sản xuất thông minh, chuyển đổi xanh và đổi mới sáng tạo.

2.2. Nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh các giải pháp thu hút các dự án công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ xanh, công nghệ bán dẫn, dự án có quy mô lớn, có hàm lượng nghiên cứu - phát triển (R&D) cao vào các KCN; đề xuất cơ chế hỗ trợ phù hợp theo quy định đối với nhà đầu tư thành lập trung tâm R&D, trung tâm đổi mới sáng tạo trong KCN.

2.3. Phối hợp đề xuất các chương trình hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nhân lực số, nhân lực kỹ thuật cao phục vụ doanh nghiệp trong KCN.

2.4. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong phạm vi quản lý của Ban; rà soát, đơn giản hóa, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong KCN; tăng cường số hóa hồ sơ, tự động hóa quy trình xử lý công việc, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp.

2.5. Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc nghiên cứu, đề xuất các hình thức hợp tác theo quy định pháp luật để đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật KCN gắn với hạ tầng số, hạ tầng viễn thông, nền tảng quản lý thông minh; khuyến khích doanh nghiệp hạ tầng KCN tích hợp yếu tố chuyển đổi số ngay từ giai đoạn quy hoạch, đầu tư xây dựng và vận hành.

3. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

3.1. Tập trung thúc đẩy phát triển công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, chế tạo, điện tử, bán dẫn, cơ khí chính xác và các ngành có giá trị gia tăng cao trong các KCN; hạn chế thu hút các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu hao năng lượng lớn, nguy cơ ô nhiễm cao. Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, tự động hoá, số hoá quy trình sản xuất - kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh.

3.2. Ưu tiên thu hút và phát triển các dự án thuộc nhóm công nghệ chiến lược phù hợp với định hướng của tỉnh và tiềm năng các khu công nghiệp, như: (1) Phần mềm công nghiệp, AI ứng dụng trong sản xuất; (2) Tự động hóa, robot công nghiệp; (3) Điện tử, IoT, linh kiện bán dẫn; (4) Thiết bị công nghệ cao phục vụ sản xuất thông minh; (5) Công nghệ số phục vụ quản lý, vận hành khu công nghiệp.

3.3. Tăng cường liên kết doanh nghiệp trong khu công nghiệp với viện nghiên cứu, trường đại học trên địa bàn theo mô hình hợp tác “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp”; hỗ trợ kết nối cung - cầu công nghệ, chuyển giao công nghệ, tổ chức hội thảo, tọa đàm chuyên đề về công nghệ mới, sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong công nghiệp.

3.4. Phối hợp tham mưu định hướng lộ trình đổi mới công nghệ đối với các ngành, lĩnh vực chủ lực trong KCN làm cơ sở cho công tác thu hút đầu tư, thẩm định, lựa chọn dự án trong giai đoạn tiếp theo.

3.5. Phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình nghiên cứu, đề xuất thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm R&D gắn với KCN; tạo quỹ đất, hạ tầng phù hợp theo quy hoạch được phê duyệt.

3.6. Khuyến khích doanh nghiệp trong KCN đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm năng lượng, sản xuất sạch hơn, kinh tế tuần hoàn; ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ thân thiện môi trường.

3.7. Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong quản lý, vận hành KCN theo mô hình KCN thông minh.

3.8. Khuyến khích doanh nghiệp trong KCN đăng ký, bảo hộ và khai thác hiệu quả tài sản trí tuệ; hỗ trợ kết nối với cơ quan chuyên môn trong hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu thị trường xuất khẩu.

3.9. Thúc đẩy các giải pháp sản xuất xanh, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính trong KCN; từng bước nghiên cứu, tham gia các cơ chế liên quan đến thị trường carbon theo định hướng của tỉnh và Trung ương.

4. Phát triển hạ tầng số

4.1. Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển hạ tầng số của Ban giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, an toàn thông tin, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước đối với khu công nghiệp và phục vụ doanh nghiệp.

4.2. Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan và doanh nghiệp hạ tầng khu công nghiệp đầu tư, nâng cấp hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin tại các khu công nghiệp; ưu tiên bảo đảm kết nối băng rộng, cáp quang, hạ tầng số ổn định, liên thông, phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý điều hành.

4.3. Thúc đẩy chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số giữa các hệ thống thông tin của Ban và các nền tảng dùng chung của tỉnh; ưu tiên lựa chọn các giải pháp triển khai trên nền tảng điện toán đám mây theo hướng hiệu quả, tiết kiệm, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và khả năng mở rộng.

4.4. Từng bước xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Ban, bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu theo quy định với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh.

4.5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong giám sát, quản lý hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và bảo vệ môi trường; phối hợp triển khai các giải pháp công nghệ (IoT, dữ liệu số...) phục vụ công tác theo dõi, quản lý, cảnh báo, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và hướng tới phát triển khu công nghiệp xanh, bền vững.

5. Triển khai các nền tảng số, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu

5.1. Tổ chức triển khai, khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính theo hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh; đẩy mạnh sử dụng chữ ký số, xác thực điện tử; công khai, minh bạch thông tin, dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp thông qua Cổng/Trang thông tin điện tử của Ban theo quy định.

5.2. Triển khai, sử dụng các nền tảng, ứng dụng số phục vụ công tác quản lý, điều hành nội bộ của Ban theo hướng trực tuyến, dựa trên dữ liệu; từng bước ứng dụng các công cụ số hỗ trợ theo dõi tiến độ, tổng hợp, báo cáo và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Ban.

5.3. Nghiên cứu, từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác tổng hợp dữ liệu, phân tích thông tin, hỗ trợ xây dựng báo cáo và ra quyết định trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Ban; bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn và quy định về an toàn, bảo mật thông tin.

5.4. Xây dựng, cập nhật và hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Ban (đầu tư, doanh nghiệp, lao động, hạ tầng khu công nghiệp, môi trường...); bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh theo quy định, tránh trùng lặp, phân tán dữ liệu.

5.5. Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan hỗ trợ doanh nghiệp trong khu công nghiệp tiếp cận, ứng dụng các nền tảng số, giải pháp công nghệ; tham

gia các hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ, chuyển giao giải pháp số, góp phần nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của doanh nghiệp.

5.6. Khuyến khích doanh nghiệp trong khu công nghiệp từng bước tham gia các chuỗi cung ứng số, ứng dụng nền tảng số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị doanh nghiệp và kết nối thị trường, phù hợp với quy mô, năng lực và điều kiện thực tế.

6. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

6.1. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Ban về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới.

6.2. Rà soát, xây dựng và quản lý dữ liệu về nhân lực chuyên môn của Ban; phối hợp với các sở, ngành, cơ sở đào tạo, tổ chức chuyên môn để tiếp cận, thu hút, sử dụng hiệu quả đội ngũ chuyên gia, nhân lực chất lượng cao phục vụ các nhiệm vụ trọng tâm của Ban.

6.3. Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng sử dụng hệ thống thông tin, bảo đảm an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức; khuyến khích tham gia các khóa đào tạo, tập huấn trực tuyến trên các nền tảng do Trung ương và tỉnh triển khai, trong đó có nền tảng “Bình dân học vụ số”.

6.4. Phối hợp với các đơn vị liên quan tuyên truyền, phổ biến, hỗ trợ nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho người lao động và doanh nghiệp trong khu công nghiệp; góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

7. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

7.1. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng số do Ban quản lý, vận hành; thực hiện giám sát, phát hiện, cảnh báo sớm và xử lý kịp thời các nguy cơ mất an toàn thông tin.

7.2. Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật và của tỉnh về bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu nội bộ và thông tin quan trọng của tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, dịch vụ số thuộc phạm vi quản lý của Ban.

7.3. Xây dựng và triển khai kế hoạch bảo đảm an toàn hệ thống thông tin; phương án ứng phó sự cố an ninh mạng đối với các hệ thống phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công của Ban; định kỳ rà soát, kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn thông tin, phối hợp tham gia các hoạt động diễn tập, nâng cao năng lực phòng, chống tấn công mạng theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

8. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết quốc tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

8.1. Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh để tranh thủ nguồn lực hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các khu công nghiệp; tăng cường liên kết, chia sẻ thông tin, nhân rộng các mô hình, giải pháp ứng dụng công nghệ hiệu quả.

8.2. Tham gia và phối hợp tổ chức các hoạt động hợp tác, giao lưu, trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm với các tổ chức, đối tác trong và ngoài nước; ưu tiên các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ xanh, công nghệ số, phục vụ phát triển bền vững khu công nghiệp.

8.3. Hỗ trợ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tiếp cận, xây dựng và triển khai các chương trình, dự án hợp tác, chuyển giao, tiếp nhận và làm chủ công nghệ từ nước ngoài; góp phần nâng cao năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo và sức cạnh tranh của doanh nghiệp, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo chung, trực tiếp lãnh đạo, điều hành, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; kịp thời xem xét, chỉ đạo giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Người đứng đầu đơn vị, tổ chức chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao; đưa kết quả thực hiện Kế hoạch vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân theo quy định.

2. Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên

- Là đầu mối tham mưu, giúp Ban Chỉ đạo theo dõi, tổng hợp, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch; phối hợp với các phòng chuyên môn và các đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện.

- Phối hợp với Văn phòng Ban tham mưu xây dựng kế hoạch chi tiết hằng năm; tổng hợp báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ, kết quả thực hiện Kế hoạch; đề xuất các giải pháp điều chỉnh, bổ sung khi cần thiết để bảo đảm hoàn thành các mục tiêu đề ra.

3. Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Ban

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này, chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc lĩnh vực phụ trách, bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

- Chủ động phối hợp với các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan trong quá trình triển khai thực hiện; kịp thời báo cáo, đề xuất Ban Chỉ đạo xem xét, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng quý, 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) về Tổ giúp việc để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo theo quy định.

4. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh theo phân cấp ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ các quy định hiện hành.

VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ

(Có Danh sách nhiệm vụ chuyển đổi số tại Phụ lục II kèm theo).

Trên đây là Kế hoạch Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị năm 2026 trên địa bàn các KCN tỉnh Thái Nguyên. Yêu cầu trưởng các phòng, đơn vị thuộc ban căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, kịp thời báo cáo lãnh đạo Ban (*qua Văn phòng Ban*) để xem xét, chỉ đạo giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lãnh đạo Ban;
- Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số BQL;
- Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Ban;
- Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số BQL;
- Các chủ đầu tư hạ tầng KCN;
- Các doanh nghiệp trong KCN;
- Trang thông tin điện tử BQL;
- Lưu: VT, VP.

Q. TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thế Hoàn

Phụ lục I:
CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-BQL ngày /01/2026 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Thái Nguyên)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Đơn vị chủ trì thực hiện
I	Phát triển hạ tầng			
1.	Rà soát, khảo sát, đề xuất vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng 5G trong các Khu công nghiệp	%	100	Phòng Quản lý quy hoạch và môi trường
2.	Tỷ lệ hiện diện sóng 5G trong KCN	%	100	Văn phòng
3.	Doanh nghiệp có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s khi có nhu cầu	%	100	Phòng Quản lý quy hoạch và môi trường
4.	Công chức, viên chức có máy tính đáp ứng cấu hình tối thiểu và lãnh đạo Ban, lãnh đạo phòng có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử.	%	100	Văn phòng
II	Phát triển nguồn lực			
5.	Cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	100	Tổ giúp việc
6.	Cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	100	Tổ giúp việc
III	Phát triển khoa học, công nghệ			
7.	Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá so với năm 2025	%	≥ 5	Phòng Quản lý doanh nghiệp
8.	Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý KCN	Báo cáo		Tổ giúp việc
IV	Phát triển chuyển đổi số			
9.	Chỉ số chuyển đổi số cấp sở, ngành (DTI)	Điểm	≥ 900	Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc
10.	Hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	98	Các phòng chuyên môn

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Đơn vị chủ trì thực hiện
11.	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	100	Các phòng chuyên môn
12.	Hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%	100	Các phòng chuyên môn
13.	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Các phòng chuyên môn
14.	Duy trì tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	≥98	Các phòng chuyên môn
15.	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	100	Các phòng chuyên môn
16.	Dữ liệu của ban được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP	%	100	Tổ giúp việc
V	Về an toàn, an ninh mạng			
17.	Hệ thống thông tin củ Ban đảm bảo ATTT theo cấp độ	%	100	Văn phòng
18.	Hệ thống thông tin được triển khai giám sát an toàn, an ninh mạng và được kiểm tra, đánh giá thường xuyên	%	100	

Phụ lục II:
DANH MỤC NHIỆM VỤ NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-BQL ngày /01/2026 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên nhiệm vụ	Người đứng đầu chịu trách nhiệm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I	Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế (cơ chế, chính sách); xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
1	Rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm tháo gỡ điểm nghẽn trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Tổ trưởng Tổ giúp việc	Tổ giúp việc	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Ban	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Quý I năm 2026
2	Xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng số của Ban giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm đồng bộ, khả thi, hiện đại, an toàn, an ninh và có tính dự phòng cao; tạo nền tảng thúc đẩy Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số	Q. Chánh Văn phòng	Văn phòng			Quý I năm 2026
II	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia					
3	Phát triển hạ tầng viễn thông (hạ tầng số 5G, cáp quang Gb) trong KCN	Trưởng Phòng Quản lý quy hoạch và môi trường	Phòng Quản lý quy hoạch và môi trường	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Ban	Tỷ lệ hiện diện sóng 5G tại các KCN đạt 100%; tỷ lệ doanh nghiệp có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps đạt 100%	Quý IV năm 2026
4	Cập nhật Cơ sở dữ liệu thông tin doanh nghiệp trên Hệ thống Bản đồ số 3D Khu công nghiệp Sông Công II và phần mềm quản lý hạ tầng các KCN tỉnh Thái Nguyên	Trưởng phòng Quản lý doanh nghiệp	Phòng Quản lý doanh nghiệp	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Ban	Thông tin doanh nghiệp được cập nhật chính xác, đầy đủ trên Hệ thống Bản đồ số 3D Khu công	Quý I/2026

STT	Tên nhiệm vụ	Người đứng đầu chịu trách nhiệm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
					ngành Sông Công II và phần mềm quản lý hạ tầng các KCN tỉnh Thái Nguyên	
5	Cập nhật, duy trì dữ liệu về quy hoạch, hạ tầng, môi trường, tiến độ dự án, diện tích đất thuê và hạ tầng kỹ thuật của KCN trên Hệ thống Bản đồ số 3D KCN Sông Công II và phần mềm quản lý hạ tầng các KCN tỉnh Thái Nguyên	Trưởng phòng Quản lý quy hoạch và môi trường	Phòng Quản lý quy hoạch và môi trường	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Ban	Thông tin quy hoạch, hạ tầng, môi trường, tiến độ dự án, diện tích đất thuê và hạ tầng kỹ thuật của KCN được cập nhật chính xác, đầy đủ trên Hệ thống Bản đồ số 3D KCN Sông Công II và phần mềm quản lý hạ tầng các KCN tỉnh Thái Nguyên	Quý I/2026
6	Cập nhật thông tin các dự án đầu tư trên hệ thống cơ sở dữ liệu số, đảm bảo đầy đủ thông tin về chủ đầu tư, quy mô, tiến độ, diện tích, nghĩa vụ tài chính trên Hệ thống Bản đồ số 3D KCN Sông Công II và phần mềm quản lý hạ tầng các KCN tỉnh Thái Nguyên	Trưởng phòng Quản lý đầu tư	Phòng Quản lý đầu tư	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Ban	Thông tin các dự án đầu tư trên hệ thống cơ sở dữ liệu số được cập nhật đảm bảo đầy đủ thông tin về chủ đầu tư, quy mô, tiến độ, diện tích, nghĩa vụ tài chính trên Hệ thống Bản đồ số 3D KCN Sông Công II và phần mềm quản lý hạ tầng các KCN tỉnh Thái Nguyên	Quý I/2026
II	Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia					
7	Nhiệm vụ đào tạo, tập huấn phát triển nguồn nhân lực số, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCCVC thuộc Ban	Tổ trưởng Tổ giúp việc	Tổ giúp việc	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Ban	100% CBCCVC tại Ban được bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số hằng năm	Quý II, III năm 2026
III	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh					

STT	Tên nhiệm vụ	Người đứng đầu chịu trách nhiệm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
8	Rà soát, nâng cấp và bảo đảm điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số: (1) Đường truyền và kết nối mạng ổn định, chữ ký số cá nhân; (2) Trang bị máy tính cấu hình tối thiểu và thiết bị làm việc thiết yếu; (3) Bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với khối lượng công việc	Tổ trưởng Tổ giúp việc	Tổ giúp việc	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Ban	Hoàn thành các nhiệm vụ (1), (2), (3) bảo đảm yêu cầu	Quý II năm 2026
9	Dữ liệu của ban được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP	Tổ trưởng Tổ giúp việc	Tổ giúp việc	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Ban	CSDL chuyên ngành của Ban được tích hợp, chia sẻ trên hệ thống CSDL tỉnh Thái Nguyên (LGSP)	Khi có yêu cầu
10	Số hoá tài liệu lưu trữ của Ban	Q. Chánh Văn phòng	Văn phòng/ Văn thư	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Ban	Tỷ lệ số hoá tài liệu lưu trữ theo yêu cầu UBND tỉnh giao	Quý IV năm 2026
VI	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp					
11	Nhiệm vụ triển khai thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số (<i>Hội thảo, hội nghị, tập huấn...</i>)	Trưởng phòng Quản lý doanh nghiệp	Phòng Quản lý doanh nghiệp	Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Ban	Kết quả thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp trong KCN chuyển đổi số nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh	Quý II năm 2026